

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành một số quy định về bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 340/TTr-STNMT ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Báo cáo số 180/BC-STP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này một số quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Các Bộ: TNMT, XD, NN&PTNT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (B/c);
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng TT-GT điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH Công báo tỉnh (Công bố);
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- CV NCTH;
- Lưu VT, NN4.

(H- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Phúc)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Một số quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) bao gồm:

1. Quy định chi tiết thi hành điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81 và khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định chi tiết thi hành khoản 6 Điều 58; khoản 4 Điều 64 và khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quy định chi tiết thi hành khoản 5 Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Việc quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này bao gồm các nội dung như sau:

a) Khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

b) Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường;

c) Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế; quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa;

d) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Quản lý chất thải công kênh;

- e) Quy định về thời gian và tuyến đường vận chất thải rắn sinh hoạt;
- g) Quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- h) Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại, tuyến đường và thời gian hoạt động;
- i) Quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Một số quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân (*sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân*) có hoạt động liên quan đến các nội dung bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động phân tách chất thải nhằm chia thành các nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.
2. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động tập hợp, lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các chủ nguồn thải, các điểm tập kết, điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.
4. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật khác nhau nhằm loại bỏ các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.
5. Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp là việc chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp trong bãi chôn lấp theo quy định mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp khác.
6. Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.
7. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt là tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.
9. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt là mức giá tối đa mà chủ nguồn thải phải chi trả cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Ưu đãi, khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp liên danh, liên kết, hợp tác để xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

2. Các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc danh mục của Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hỗ trợ miễn, giảm về tiền thuê đất và giá cho thuê cơ sở hạ tầng và các ưu đãi khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng để phù hợp với quy định về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan xong trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động vẫn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Việc phân loại, thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn y tế, quản lý, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế của cơ sở y tế hoặc xử lý theo mô hình cụm trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế được thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế thực hiện như sau:

a) Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại để thực hiện tự xử

lý chất thải y tế nguy hại chỉ được xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế lân cận theo mô hình cụm cơ sở y tế khi công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn dư thừa công suất và tình trạng thiết bị, công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn tốt, vận hành ổn định;

b) Cơ sở y tế có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại và các cơ sở y tế tham gia mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế phải xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét phê duyệt.

3. Nội dung chính của kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định tại khoản 2 Điều này như sau:

- a) Địa điểm, mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại;
- b) Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại;
- c) Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại;
- d) Giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần của cơ sở có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại;
- đ) Thông tin về công suất xử lý, công suất còn dư thừa của công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại;
- e) Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Điều 7. Quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa

1. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do cơ quan trung ương quản lý (đoạn chảy qua địa phận tỉnh Vĩnh Phúc) thì thực hiện theo dự án do cơ quan trung ương phê duyệt và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

2. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do tỉnh Vĩnh Phúc quản lý thì thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các yêu cầu chung về khu vực, địa điểm đổ thải khi xem xét thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hoặc cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương;
- b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định;
- c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực

thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước;

d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa.

Điều 8. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành các nhóm như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- b) Chất thải thực phẩm;
- c) Chất thải nguy hại;
- d) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này vào các bao bì chứa để chuyển giao như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

b) Chất thải thực phẩm, chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng;
- b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngấm hoặc rò rỉ nước rác.

5. Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ vào lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tình hình thực tế của mỗi địa phương để xác định tần suất thu gom, vận chuyển đảm bảo theo quy định sau đây:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tùy theo khối lượng phát sinh và nhu cầu chuyển giao;
- b) Chất thải thực phẩm: Đối với khu vực nội đô thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên và các thị trấn tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/01 lần; các khu vực còn lại tối thiểu 02 ngày/01 lần, khuyến khích áp dụng 01 ngày/01 lần;
- c) Chất thải nguy hại được phân loại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định pháp luật để thu gom vận chuyển, xử lý tập trung hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với khối lượng phát sinh và điều kiện thực tế từng địa phương;
- d) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Phù hợp với khối lượng phát sinh và điều kiện thực tế ở từng địa phương.

6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân thu gom phân loại riêng để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế nhựa để tái chế, tái sử dụng;
- b) Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng gia đình, đối với gia đình, cá nhân có đất vườn rộng, khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình thì thực hiện xử lý tại các lò đốt chất thải sinh hoạt đã được đầu tư hoặc chôn lấp tại các bãi chôn lấp đã được quy hoạch hợp vệ sinh (hạn chế tối đa việc chôn lấp);
- c) Chất thải nguy hại được phân loại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Phải được xử lý tại các cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động;
- d) Chất thải rắn sinh hoạt khác (*chất thải sinh hoạt khó phân hủy*): Được

thu gom, tập kết riêng tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp hợp vệ sinh; khuyến khích tái chế, tái sử dụng.

7. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

8. Quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 9. Quản lý chất thải công kênh

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh chủ động tự tháo dỡ, giảm thể tích, khối lượng chất thải công kênh, đồng thời phân loại các chất thải sau khi tháo dỡ để xử lý phù hợp.

2. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh được phép tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận, xử lý. Trong thời gian đơn vị thu gom, vận chuyển chưa đến vận chuyển đi xử lý thì hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, không được tập kết ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng.

3. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm chi trả phí dịch vụ tháo dỡ, thu gom chất thải rắn công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến nơi tiếp nhận theo giá tự thỏa thuận với các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chất thải rắn công kênh được thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 10. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; thời gian và tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Xe ô tô chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo quy định pháp luật về giao thông vận tải và đo lường; thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian phương tiện vận chuyển tham gia giao thông.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Thời gian hoạt động từ 19 giờ đến 06 giờ 30 phút sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân mà phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt

có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên, thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

4. Thời gian hoạt động từ 09 giờ đến 17 giờ và từ 19 giờ đến 06 giờ 30 phút sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt phát sinh từ cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở lên mà phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên, thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 11. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân được tính toán theo các căn cứ sau đây:

- a) Phù hợp với quy định pháp luật về giá;
- b) Dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại;
- c) Theo nguyên tắc người gây ô nhiễm trả tiền cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- d) Đảm bảo thu đúng, thu đủ và hướng đến ngân sách nhà nước không phải cấp bù kinh phí đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được ban hành cụ thể theo từng thời kỳ và được kịp thời điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Chủ nguồn thải là cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng lớn hơn 300 kg/ngày phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý thì thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

5. Quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 12. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại; tuyến đường và thời gian

hoạt động

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại phải có thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo quy định pháp luật về giao thông vận tải và đo lường; thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian phương tiện vận chuyển tham gia giao thông.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định.

3. Thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ 19 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

4. Thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ 09 giờ đến 17 giờ và từ 19 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 13. Quy định về quản lý chất thải nhựa

1. Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.

3. Khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; khuyến khích nghiên cứu; hạn chế việc sử dụng nước uống đóng chai sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

4. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc không được sử dụng nước uống đóng chai dùng một lần ở cơ quan công sở và trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo do cơ quan nhà nước tổ chức kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

5. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học; hộp nhựa xếp đóng gói hoặc chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ các sản phẩm và hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

6. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quy định tại

khoản 5 Điều này trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH** **VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn; tổ chức truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì biên soạn các tài liệu, sổ tay hướng dẫn về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải, giảm thiểu phát thải chất thải nhựa, túi nilon;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn chi tiết phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (tại hộ gia đình) hướng dẫn kỹ thuật, phương thức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, nông thôn, làng nghề; xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn sinh, chất thải nhựa;

đ) Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn kỹ thuật xử lý ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì quan trắc, theo dõi, giám sát và công bố, công khai chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh;

g) Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đánh giá sức chịu tải môi trường trên địa bàn tỉnh;

h) Tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo. Thời gian xong trước ngày 30 tháng 9 năm 2023;

i) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói,

chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học;

k) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thẩm định kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt;

l) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan xác định phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn tập trung, cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để tích hợp vào quy hoạch tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt lập phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối bố trí từ nguồn chi thường xuyên trong dự toán ngân sách hàng năm cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp với thực tiễn đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì hướng dẫn các địa phương thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn; hướng dẫn quy trình lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh;

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường; quản lý thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Vĩnh Phúc

bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối nguồn vốn và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư để giải phóng mặt bằng và các hạ tầng thiết yếu khác đến chân hàng rào theo quy định cho các dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chủ trì thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn khác nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Chủ trì, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án, hình thức đầu tư mở rộng, nâng công suất đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thực tiễn của tỉnh;

đ) Hướng dẫn tổ chức đấu thầu tập trung để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải đã được cấp phép đầu tư, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất và triển khai các biện pháp thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn nhằm đảm bảo tiêu chí về môi trường cho các xã nông thôn mới theo lộ trình; theo dõi, đề xuất các mô hình quản lý rác thải khu vực nông thôn theo thẩm quyền;

b) Lồng ghép nội dung quản lý rác thải vào các chương trình tuyên truyền, tập huấn nâng cao chất lượng thực hiện nông thôn mới;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương thực hiện việc thu gom rác thải và vệ sinh môi trường theo quy định đảm bảo đáp ứng các tiêu chí môi trường trong thực hiện nông thôn mới;

d) Chủ trì biên soạn các tài liệu và tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong canh tác nông nghiệp, chăn nuôi; sản xuất làng nghề; hướng dẫn kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

đ) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền,

phổ biến giáo dục pháp luật đến các tổ chức, cá nhân; tổ chức và hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp:

a) Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải của các doanh nghiệp, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

7. Sở Công thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp phải đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các cụm công nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các trung tâm thương mại, siêu thị thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch, triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát các nội dung về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường tích hợp, lồng ghép vào môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường phù hợp với lớp học, cấp học bảo đảm hiệu quả, thiết thực;

c) Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường phù hợp với lứa tuổi học sinh ở từng cấp học.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Hàng năm theo lĩnh vực quản lý, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn các cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;

b) Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát chương trình, nội dung, thời lượng giảng dạy và biên tập tài liệu, hướng dẫn giáo dục về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường lồng ghép vào môn học hoặc hoạt động ngoại khóa phù hợp với khóa học bảo đảm các biện pháp tuyên truyền, giáo dục dưới các hình thức trực quan, sinh động, dễ hiểu.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các địa điểm du lịch (Tam Đảo, danh thắng Tây Thiên, Đại Lải), các cửa ngõ ra vào tỉnh, trung tâm các thành phố, huyện, xã;

b) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi ni lông tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng;

c) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường;

d) Chỉ đạo các khách sạn, khu du lịch thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

10. Sở Y tế:

a) Chủ trì, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường tại các bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý chất thải y tế theo Quy định này và quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và quy định tại Điều 6 của Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

11. Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;

b) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại thực hiện các nội dung quy định tại Điều 12 của Quy định này;

12. Sở Tư pháp:

a) Thực hiện lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình kế hoạch giáo dục, phổ biến pháp luật hàng năm;

b) Phối hợp tham gia rà soát, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là lĩnh vực tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo thẩm quyền; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn.

14. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025” đã được phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì xây dựng chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc. Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kết nối dữ liệu quan trắc, giám sát môi trường tự động của chủ nguồn thải, công bố công khai dữ liệu quan trắc, giám sát môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

15. Công an tỉnh:

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện các hành vi đổ trộm chất thải, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

16. Kho Bạc nhà nước tỉnh:

Chỉ đạo Kho Bạc nhà nước cấp huyện tăng cường kiểm soát chi đối với việc sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ hàng năm đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; kiểm soát chi đối với các khoản chi làm phát sinh chất thải nhựa được quy định chi tiết tại khoản 4, khoản 5 Điều 13 của Quy định này.

17. Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp - Điện tử tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thường xuyên cập nhật, đưa tin về các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động quản lý rác thải trên địa bàn; đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc;

c) Khuyến khích thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

5. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định.

6. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

7. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho

tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường. Kết quả rà soát gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Tổ chức triển khai thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công kênh trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy định này đồng thời chỉ đạo hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nội dung này đảm bảo theo quy định.

9. Tổ chức triển khai thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, sau đó triển khai đồng bộ trên toàn huyện, thành phố việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Khuyến khích các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn chủ động, triển khai, áp dụng trước thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện hoặc giao, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị, cơ sở hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thông qua hình thức đấu thầu dịch vụ công ích theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

11. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lựa chọn, bổ sung quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển rác thải tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, lập dự án và triển khai các xây dựng dự án các điểm tập kết, trung chuyển rác thải trên địa bàn.

12. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông.

13. Chủ động lựa chọn địa điểm và nhà đầu tư để xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

14. Triển khai các dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng đất đối với các bãi chôn lấp rác thải đã đóng cửa, yêu cầu đến năm 2025 tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý ô nhiễm, tái sử dụng đất đạt trên 95%.

15. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường; đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để xét công nhận gia đình văn hóa, các thôn, khu phố, khu dân cư, cơ quan, đơn vị văn hóa.

16. Thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng giá dịch vụ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm trên địa bàn.

17. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

18. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường và Quy định này trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

19. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện Quy định này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và Quy định này trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.

3. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố, tổ dân phố, khu dân cư và các tổ chức tự quản trên địa bàn; quản lý các chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom rác thải vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh của xã, phường, thị trấn; thực hiện tuyên truyền theo từng điểm sinh hoạt cộng đồng như trung tâm văn hóa xã, phường, thị trấn; các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

6. Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được cấp hàng năm.

7. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc thu, nộp sử dụng giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi

trường và quy định này trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

9. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện quy định này gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên; các tổ chức chính trị - xã hội vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom rác thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với thực hiện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thường xuyên giám sát, phản biện về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

1. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp theo quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Hạn chế việc sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.
3. Thực hiện quy định về việc sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần theo Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 20. Điều khoản khi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước